

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2025

Căn cứ Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 2104/KH-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025.

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 42/TTr-SYT ngày 06/3/2025, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế dân số cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số từng bước tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường khả năng tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số đối với các dịch vụ chăm sóc có chất lượng về sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ - trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (ĐBDTTS&MN) tỉnh Quảng Nam.

2. Chỉ tiêu chuyên môn

Theo từng nội dung hoạt động cụ thể.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ

nữ mang thai, bà mẹ, người chăm sóc trẻ, trẻ em, người cao tuổi, nam nữ thanh niên, cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

- Trung tâm Y tế huyện, Trạm Y tế xã.

- Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm Y tế huyện; nhân viên Trạm Y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên Y tế thôn bản, Cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số, cộng tác viên dinh dưỡng...

2. Phạm vi triển khai

Thực hiện tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên các xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Nội dung 1: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.1. Chỉ tiêu

- Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu đáp ứng năng lực thực hiện dịch vụ kỹ thuật trong tiêu chuẩn, định mức được phê duyệt cho Trung tâm Y tế huyện miền núi và Trạm Y tế xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN.

- Hỗ trợ đào tạo bác sĩ đa khoa, bác sĩ dự phòng, bác sĩ Chuyên khoa I cho các huyện, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.2. Hoạt động chủ yếu

1.2.1. Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm Y tế huyện

a) Đối tượng hưởng thụ

Trung tâm Y tế các huyện thuộc vùng ĐBDTTS&MN, trong đó ưu tiên các huyện nghèo theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Nguyên tắc thực hiện

- Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: Thực hiện theo mục 1 Phụ lục VII Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS&MN.

- Căn cứ nhu cầu thực tế, địa phương, đơn vị lập, thẩm định, phê duyệt dự án và triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo không trùng lặp với các nguồn vốn khác và các chương trình, dự án khác.

1.2.2. Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn

Đối tượng thụ hưởng, nội dung thực hiện, nguyên tắc thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và nguồn tài

chính của địa phương, đơn vị hoặc nguồn hợp pháp khác. Không thực hiện trùng lặp đối tượng và nguồn kinh phí hỗ trợ giữa các chương trình dự án.

1.2.3. Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về Trạm Y tế xã

a) Triển khai thực hiện kỹ thuật theo phân tuyến tại các Trạm Y tế xã theo quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế về Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế quy định gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở; Thông tư số 21/2019/TT-BYT ngày 21/8/2019 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thí điểm về hoạt động y học gia đình.

b) Triển khai thực hiện chuyển giao kỹ thuật theo Quyết định số 4026/QĐ-BYT ngày 20/10/2010 của Bộ Y tế quy định phân công công tác chỉ đạo tuyến trong lĩnh vực khám, chữa bệnh; Quyết định số 1816/QĐ-BYT ngày 26/5/2008 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án “cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh”; Quyết định số 1718/QĐ-BYT ngày 08/5/2019 của Bộ Y tế phê duyệt Đề án “Tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn y tế xã, phường giai đoạn 2019 - 2025”.

c) Cách thức tiến hành

- Đánh giá nhu cầu, xây dựng kế hoạch chuyển giao kỹ thuật: (i) Tháng 10 hàng năm, Trung tâm Y tế huyện hoặc Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh/khu vực, Bệnh viện chuyên khoa gửi phiếu khảo sát đánh giá nhu cầu triển khai kỹ thuật về tuyến dưới; (ii) Trên cơ sở nhu cầu tuyến dưới, Trung tâm Y tế huyện hoặc tuyến tỉnh thống kê danh mục kỹ thuật để chuyển giao, lập kế hoạch đào tạo chuyển giao kỹ thuật; (iii) Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh/khu vực, Bệnh viện chuyên khoa xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo theo quy định về đào tạo liên tục.

- Tiến hành đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, cấp chứng nhận chuyển giao kỹ thuật, thẩm định danh mục kỹ thuật mới cho Trạm Y tế và tổ chức thực hiện.

1.2.4. Đào tạo y học gia đình cho nhân viên Trạm Y tế xã

a) Thực trạng về đào tạo cho nhân viên y tế theo nguyên lý y học gia đình

Hiện nay, ngành Y tế Quảng Nam chưa có viên chức được đào tạo về nguyên lý y học gia đình đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề y học gia đình theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

b) Kế hoạch thực hiện

- Nguyên tắc đào tạo: Đối tượng thụ hưởng, nội dung đào tạo, nguyên tắc thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và nguồn tài chính của địa phương, đơn vị hoặc nguồn hợp pháp khác. Không thực hiện trùng lặp đối tượng và nguồn kinh phí hỗ trợ giữa các chương trình dự án.

- Hình thức thực hiện: (i) Sở Y tế gửi phiếu khảo sát đánh giá nhu cầu đào

tạo y học gia đình; (ii) Trên cơ sở nhu cầu đào tạo y học gia đình của các đơn vị thuộc phạm vi Dự án, Sở Y tế thống kê nhu cầu để lập kế hoạch đào tạo theo từng năm; (iii) Sở Y tế làm việc với cơ sở đào tạo để hợp đồng mở lớp đào tạo tại địa phương hoặc cử viên chức đi đào tạo để được cấp chứng chỉ đào tạo y học gia đình, hướng dẫn thực hành và làm thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề để các Trạm Y tế xã triển khai mô hình nguyên lý y học gia đình theo đúng quy định.

1.2.5. Hỗ trợ phụ cấp cho Cô đỡ thôn bản

Trung tâm Y tế huyện cần rà soát lại Cô đỡ thôn bản, phân công địa bàn phụ trách để tăng hiệu quả hoạt động và độ bao phủ của mạng lưới Cô đỡ thôn bản đối với những địa bàn có khó khăn về chăm sóc sức khỏe sinh sản theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên Y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản. Đối với các Cô đỡ thôn bản đã nghỉ việc, Trung tâm Y tế huyện rà soát, tham mưu UBND huyện xin chủ trương UBND tỉnh, vận động, tuyên dụng Cô đỡ thôn bản để tiếp tục hoạt động và phân công địa bàn phụ trách, cung cấp bổ sung Túi dụng cụ Cô đỡ thôn bản và gói đỡ đẻ sạch. Đồng thời lập kế hoạch, dự trù kinh phí và chi trả phụ cấp cho Cô đỡ thôn bản theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

1.2.6. Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm

- Triển khai điểm tiêm chủng ngoài trạm trong tiêm chủng thường xuyên đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về địa lý hoặc trong chiến dịch tiêm chủng¹.

- Trạm Y tế xác định các thôn nguy cơ cao có tỷ lệ tiêm chủng thấp và lập kế hoạch tiêm chủng để đảm bảo tổ chức điểm tiêm chủng ngoài trạm thực hiện tiêm chủng các loại vắc xin trong tiêm chủng mở rộng ít nhất 1 buổi/tháng.

- Mức hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoài trạm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

2. Nội dung 2: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Mục tiêu chung

- Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ;

- Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

¹Tổ chức buổi tiêm chủng ngoài trạm thực hiện theo Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 34/2018/TT- BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

từng bước được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại;

- Tiếp tục không chế tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng ĐBDTTS&MN.

2.2. Chỉ tiêu chuyên môn

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (*viết tắt là vùng ĐBDTTS&MN*) năm 2025 là 25%;

- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN là 20%;

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN là 25%;

- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm tại các xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN là 60%;

- Tỷ lệ người sử dụng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình tại các xã triển khai chiến dịch tại khu vực II, khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN năm 2025 đạt 60%.

2.3. Đối tượng

- Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, người chăm sóc trẻ, trẻ em, người cao tuổi, nam nữ thanh niên, cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

- Trung tâm Y tế huyện, Trạm Y tế xã.

- Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm Y tế huyện; nhân viên Trạm Y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên Y tế thôn bản, Cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số, cộng tác viên dinh dưỡng.

- Đối với nội dung phòng chống bệnh Thalassemia: tập trung can thiệp trên nhóm nam nữ trước kết hôn (có thể chọn học sinh cấp 3 trường dân tộc nội trú), phụ nữ mang thai trong 3 tháng đầu thai kỳ đến khám tại bệnh viện huyện và tỉnh; đào tạo, tập huấn cho cán bộ y tế địa phương về bệnh Thalassemia.

2.4. Hoạt động chủ yếu

2.4.1. Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng ĐBDTTS&MN.

Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 1999); Công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 của Tổng cục Dân số về việc định hướng công tác dân số giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 2338/KH-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Các hoạt động chủ yếu:

- Truyền thông, vận động chính sách, pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình; tổ chức tư vấn chuyên môn tại cộng đồng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và bệnh tan máu bẩm sinh.

Nội dung Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị y tế kết hợp với tăng cường năng lực cán bộ chuyên môn kỹ thuật theo hướng mở rộng, phổ cập dịch vụ tới tuyến cơ sở.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

Tuyên tỉnh tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề giáo dục về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, kiến thức sàng lọc các bệnh di truyền trước kết hôn cho học sinh tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn các huyện triển khai dự án (Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn) tổ chức tại 12 trường.

- Hỗ trợ nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ bà mẹ thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/08/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các quy định tài chính hiện hành liên quan.

2.4.2. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số

Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 1579); Công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 của Tổng cục Dân số về việc định hướng công tác dân số giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 6898/KH-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh về Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2030.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tăng cường tuyên truyền, vận động; xây dựng môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, phổ biến, cung cấp kiến thức về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, huyện, cấp

xã và Chi hội trưởng/Phó Chi hội trưởng các thôn, tổ trên địa bàn... theo nguồn kinh phí giao.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế và tư vấn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, bao gồm cả khuyến khích, hỗ trợ người cao tuổi tham gia.

Thực hiện các nội dung khám sức khỏe theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Bổ sung trang thiết bị, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cơ sở y tế để tổ chức khám sức khỏe định kỳ và tư vấn, chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/08/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các quy định tài chính hiện hành liên quan.

2.4.3. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Triển khai đồng bộ các Chương trình, Kế hoạch theo Công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 của Tổng cục Dân số và Chương trình, kế hoạch của địa phương đã được phê duyệt.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân số, cư trú, biên giới phù hợp tâm lý, tập quán của đồng bào sinh sống tại vùng ĐBDTTS&MN, khu vực biên giới.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình phù hợp với thực trạng văn hóa của từng dân tộc; chú trọng các mô hình can thiệp vận động đồng bào có điều kiện kinh tế khó khăn có mức sinh cao nên sinh ít con hơn, đồng thời tăng cường bảo vệ, phát triển dân tộc dưới 10 nghìn người.

- Kiểm soát, quản lý dân số tại vùng ĐBDTTS&MN, khu vực biên giới. Bổ sung trang thiết bị cho Kho dữ liệu chuyên ngành; Rà soát thông tin, cơ sở dữ liệu; củng cố, kiện toàn kho dữ liệu chuyên ngành dân số; chia sẻ, kết nối với cơ sở dữ liệu các ngành liên quan (tư pháp, công an bộ đội biên phòng...).

- Điều tra, khảo sát về các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá trước và sau khi thực hiện dự án tại các địa bàn triển khai.

- Khảo sát đề xuất chính sách dân số, thử nghiệm mô hình can thiệp với đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng ĐBDTTS&MN, khu vực biên giới.

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC

ngày 15/08/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các quy định tài chính hiện hành có liên quan.

2.4.4. Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng ĐBDTTS&MN

Triển khai đồng bộ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trong công tác dân số theo công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 của Tổng cục Dân số và Chương trình, Kế hoạch của địa phương đã được phê duyệt.

Các hoạt động chủ yếu:

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về chuyên môn kỹ thuật; nghiệp vụ quản lý dân số. Tập huấn cán bộ quản lý y tế, dân số và các ngành liên quan. Tập huấn kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ y tế cơ sở; Tập huấn kiến thức, kỹ năng tuyên truyền về dân số với đồng bào dân tộc. Bồi dưỡng cán bộ y tế dân số xã và cộng tác viên dân số.

- Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, quản lý hoạt động.
- Hội nghị triển khai, sơ kết.

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/08/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các quy định tài chính hiện hành có liên quan.

2.4.5. Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng ĐBDTTS&MN

- Giảm số ca phù thai do bệnh Thalassemia, giảm số trẻ sinh ra bị bệnh Thalassemia, từng bước nâng cao chất lượng điều trị tại các cơ sở y tế cho bệnh nhân Thalassemia người dân tộc thiểu số, từng bước kéo dài tuổi thọ cho những bệnh nhân hiện tại.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình 1999 Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 theo Công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 của Tổng cục Dân số và Chương trình, Kế hoạch của địa phương đã được phê duyệt.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tuyên truyền thay đổi và nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng người dân tộc thiểu số trong việc thực hành sàng lọc bệnh Thalassemia.

- Tổ chức ít nhất 1 cuộc truyền thông nhân ngày Thalassemia thế giới 8/5 và những chiến dịch truyền thông khác.

- Nhân bản, in ấn các sản phẩm truyền thông (đảm bảo cung cấp đủ tài liệu cho các đối tượng truyền thông, đặc biệt là các đối tượng can thiệp của dự án).

- Triển khai thực hiện tư vấn Thalassemia tại các khoa sản của bệnh viện đa khoa và bệnh viện sản nhi tuyến tỉnh, tuyến huyện (Phòng truyền thông, tư vấn bao gồm: Biển tên, pano, ápích truyền thông, tài liệu truyền thông, các sản phẩm truyền thông khác tùy theo đặc điểm riêng có của cộng đồng dân cư).

- Tổ chức hội nghị, hội thảo cung cấp kiến thức về bệnh Thalassemia cho

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên, cán bộ tư pháp, giáo viên, ...

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế trong việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và tư vấn phòng bệnh tại cơ sở y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

- Đào tạo/tập huấn về bệnh Thalassemia cho cán bộ y tế địa phương.

- Bổ sung trang thiết bị giúp tầm soát bệnh Thalassemia (sử dụng ngân sách từ nguồn ngân sách của địa phương).

- Xây dựng mô hình tầm soát bệnh Thalassemia tại địa phương.

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/08/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các quy định tài chính hiện hành có liên quan.

3. Nội dung 3: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng Bà mẹ - Trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

3.1. Mục tiêu chung

Tăng cường khả năng tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số đối với các dịch vụ chăm sóc có chất lượng về sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ban hành theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường phổ biến kiến thức và thực hành trong chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.

- Hỗ trợ tăng cường việc khám thai định kỳ và hỗ trợ y tế cho phụ nữ trước, trong và sau khi sinh con.

- Hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi.

- Hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời và trẻ em suy dinh dưỡng vùng ĐBDTTS&MN.

3.3. Chỉ tiêu chuyên môn 2025

a) Chỉ tiêu về dinh dưỡng trẻ em

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm 0,3% so với năm 2024.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm giảm 0,1% so với năm 2024.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm 0,1% so với năm 2024.

- Tỷ lệ xã khu vực III triển khai mô hình chăm sóc 1000 ngày đầu đời: 40%.

- Tỷ lệ phụ nữ có thai tại các xã khu vực III được cấp các sản phẩm dinh dưỡng từ khi phát hiện mang thai: 60%.

- Tỷ lệ trẻ em trên 6 tháng - 23 tháng tuổi tại các xã khu vực III được cấp các sản phẩm dinh dưỡng; bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh...: 80%.

b) Chỉ tiêu nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

- Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi tại khu vực miền núi xuống còn 14,0%.

- Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thai kỳ: 81%.

- Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của CBYT: 92%

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được chăm sóc sau sinh tại nhà 42 ngày sau đẻ: 60%.

- Giảm tỷ số chết mẹ tại khu vực miền núi xuống còn 50 ca trên 100.000 trẻ đẻ sống.

- Tỷ lệ trẻ dưới 2 tuổi tại các xã khu vực III được khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/ lần: 75%.

- Tỷ lệ Cô đỡ thôn bản hoạt động tại xã khu vực II, khu vực III được phụ cấp hàng tháng: 100%.

c) Chỉ tiêu nhiệm vụ về truyền thông vận động thay đổi hành vi chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em

- Tỷ lệ phụ nữ có thai ở xã khu vực III biết phát hiện ít nhất 3 dấu hiệu nguy hiểm thời kỳ mang thai, dấu hiệu nguy hiểm thời kỳ sau sinh, dấu hiệu nguy hiểm ở trẻ sơ sinh: 80%.

- Tỷ lệ xã khu vực III triển khai Tuần lễ làm mẹ an toàn hàng năm: 80%.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai tại xã khu vực III tiếp cận ít nhất 01 loại tài liệu về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em: 80%.

3.4. Đối tượng

- Phụ nữ độ tuổi sinh đẻ, mang thai, trong cuộc đẻ, sau đẻ, bà mẹ cho con bú, trẻ sơ sinh, trẻ em đến hết 5 tuổi, người chăm sóc trẻ và cộng đồng.

- Cán bộ y tế đang làm việc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng tại các cơ sở y tế, nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản.

3.5. Hoạt động chủ yếu

3.5.1. Hoạt động chung tại tỉnh: Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ tuyến tỉnh

- Đơn vị tổ chức: Viện, Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế và các đơn vị liên quan.

- Thành phần cán bộ tuyến tỉnh: Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Bệnh viện Phụ sản - Nhi, các Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh/khu vực.

3.5.2. Nhóm hoạt động 1: “Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số”(Thực hiện theo Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương

trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam).

a) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ tuyến huyện, xã:

Nội dung: Kiến thức và thực hành dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú, nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung hợp lý, theo dõi tăng trưởng, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng tại cộng đồng, ...

- Tuyến tỉnh: Đối tượng học viên: Lãnh đạo Trạm Y tế xã, cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ tuyến huyện về chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em tuyến xã.

- Tuyến huyện: Đối tượng học viên: Cán bộ y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản, cộng tác viên, cán bộ Hội Phụ nữ ...

b) Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời

- Tuyến tỉnh:

+ Tổ chức triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời tại xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Căn cứ vào hướng dẫn triển khai mô hình của Bộ Y tế tổ chức giám sát hỗ trợ kỹ thuật cho huyện, xã.

+ Tập huấn cho tư vấn viên dinh dưỡng mô hình Phòng tư vấn Nuôi dưỡng trẻ nhỏ: (i) Số lớp: 02; 5 ngày/lớp; (ii) Đối tượng học viên: Cán bộ Y tế thực hiện tư vấn tại các xã chọn triển khai mô hình.

+ Tập huấn cho người thực hiện mô hình nhóm hỗ trợ nuôi dưỡng trẻ nhỏ tại cộng đồng: (i) Số lớp: 02 lớp; 5 ngày/lớp; (ii) Đối tượng học viên: Y tế xã, thôn, Hội Phụ nữ, Cô đỡ thôn bản ...

- Tuyến huyện:

+ Tổ chức triển khai các hoạt động của mô hình đảm bảo chỉ tiêu được giao, cụ thể như sau:

(i) Tổ chức khảo sát ban đầu tại các địa bàn sẽ triển khai: thu thập và tổng hợp số liệu báo cáo/thực địa, đề xuất nhu cầu, tổ chức các buổi thực địa, ...

(ii) Triển khai tư vấn, hướng dẫn chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời lồng ghép trong chăm sóc trước sinh tại Trạm Y tế xã và tại cộng đồng;

(iii) Thực hiện Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ (EENC) với các trường hợp sinh thường để trẻ được bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh tại Trạm Y tế xã có đỡ đẻ;

(iv) Tổ chức khám sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai 3 lần/thai kỳ/người (có thể lồng ghép vào khám thai); trẻ em dưới 2 tuổi 3 tháng/lần/trẻ (có thể lồng ghép vào khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em);

(v) Tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ dựa trên các sản phẩm/thực phẩm tại địa phương.

+ Địa điểm: Tại Trạm Y tế xã hoặc tại thôn/bản

+ Đối tượng: Phụ nữ có thai và bà mẹ có con dưới 2 tuổi

+ Tần suất: theo khả năng cân đối kinh phí từ nguồn kinh phí của chương trình kết hợp với ngân sách của địa phương.

+ Nội dung:

(i) Sử dụng tài liệu truyền thông của Trung ương, tổ chức tư vấn/hướng dẫn/truyền thông về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai; khuyến khích và hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ; giáo dục ăn bổ sung hợp lý; bổ sung vi chất dinh dưỡng;

(ii) Trình diễn thức ăn bằng các thực phẩm sẵn có tại địa phương theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng.

c) Hỗ trợ để cải thiện sức khoẻ và dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh, ...

Tuyên huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ sức khoẻ và dinh dưỡng triển khai tại cộng đồng theo các hướng dẫn của Bộ Y tế:

- Cung cấp sắt cho phụ nữ có thai:

(i) Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế;

(ii) Không thực hiện trên địa bàn các xã trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Chương trình giảm nghèo); không thực hiện khi đang thực hiện bổ sung viên đa vi chất cho phụ nữ mang thai tại 6 huyện miền núi cao.

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng để bổ sung vào bữa bột/cháo (bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp: mất mùa, thiên tai, dịch bệnh, ...):

(i) Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Hàm lượng các vi chất dinh dưỡng đảm bảo theo hướng dẫn nêu trên và các văn bản cập nhật (nếu có);

(ii) Tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình; theo dõi, giám sát và báo cáo;

(iii) Không thực hiện trên địa bàn các xã trùng lặp với Chương trình giảm nghèo.

- Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng:

(i) Đối tượng: Trẻ em từ 0 - 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng;

(ii) Phác đồ điều trị trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng theo quy định hiện hành và các văn bản cập nhật của Bộ Y tế;

(iii) Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 - 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT

ngày 26/8/2019 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 - 72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế;

(iv) Không thực hiện trên địa bàn các xã trùng lặp với Chương trình giảm nghèo.

3.5.3. Nhóm hoạt động 2: Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em

a) Điều tra tử vong mẹ, tử vong sơ sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Thực hiện việc điều tra, giám sát đáp ứng các trường hợp tử vong mẹ, tử vong sơ sinh nhằm phát hiện được các trường hợp tử vong mẹ, tử vong sơ sinh tại cơ sở y tế và cộng đồng, xác định các nguyên nhân tử vong và các yếu tố ảnh hưởng đến tử vong của các nhóm đối tượng; từ đó lập kế hoạch cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm tránh các trường hợp tử vong tương tự trong tương lai.

- Tuyển tỉnh:

(i) Tổng hợp các ca tử vong mẹ, tử vong trẻ em báo cáo về Trung ương;

(ii) Phối hợp tổ chức điều tra theo hướng dẫn của Trung ương.

- Tuyển huyện:

(i) Tổng hợp các ca tử vong mẹ, tử vong trẻ em báo cáo về tỉnh;

(ii) Phối hợp điều tra theo hướng dẫn của tỉnh.

b) Thẩm định tử vong mẹ

- Tuyển tỉnh:

(i) Tham gia lớp tập huấn giám sát tử vong mẹ và đáp ứng do Trung ương tổ chức;

(ii) Xây dựng kế hoạch tổ chức thẩm định các trường hợp tử vong mẹ, gửi báo cáo về Ban Thẩm định tử vong mẹ Trung ương.

- Tuyển huyện: Phối hợp tham gia thẩm định theo hướng dẫn của tỉnh.

c) Phối hợp điều tra, đánh giá năng lực người đỡ đẻ; kiểm tra, giám sát, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật

- Tuyển tỉnh:

(i) Phối hợp tổ chức điều tra, đánh giá theo hướng dẫn của Trung ương;

(ii) Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em theo hướng dẫn của Trung ương.

- Tuyển huyện: Phối hợp điều tra, đánh giá theo hướng dẫn của tỉnh.

d) Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ triển khai, thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại các xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Trung tâm Y tế huyện chủ động phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện thực hiện các nội dung sau:

- Gói 1 - Chăm sóc trước sinh:

+ Phối hợp thực hiện sàng lọc phát hiện sớm thai nghén có nguy cơ cao và

3 bệnh lây truyền mẹ - con (HIV, Viêm gan B và Giang mai):

(i) Triển khai hoạt động xét nghiệm protein niệu và sàng lọc HIV, viêm gan B và Giang mai bằng test nhanh miễn phí cho phụ nữ có thai tại các xã khu vực III. Các huyện chủ động tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên y tế về xét nghiệm sàng lọc và đánh giá nhu cầu để tổ chức việc mua test nhanh protein niệu và xét nghiệm 3 bệnh lây truyền mẹ - con để xét nghiệm cho bà mẹ mang thai, đảm bảo ít nhất 77% bà mẹ mang thai được xét nghiệm;

(ii) Rà soát, đánh giá nhu cầu sử dụng que thử protein niệu để mua sắm, cung cấp cho Cô đỡ thôn bản thực hiện xét nghiệm tại nhà cho phụ nữ có thai không đến khám thai tại cơ sở y tế.

+ Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe, quản lý thai nghén cho bà mẹ mang thai tại Trạm Y tế; tư vấn cho bà mẹ mang thai khám thai định kỳ tại Trạm Y tế hoặc các cơ sở y tế đủ điều kiện, đảm bảo khám thai ít nhất 04 lần/03 kỳ thai và sinh con tại cơ sở y tế, hạn chế thấp nhất số ca đẻ tại nhà.

+ Cán bộ chuyên trách chăm sóc sức khỏe sinh sản tuyến xã và Cô đỡ thôn bản có kế hoạch theo dõi các bà mẹ mang thai không có điều kiện sinh tại cơ sở y tế hoặc do phong tục tập quán đẻ tại nhà, để hỗ trợ chuyên môn khi sinh tại nhà, nhằm giảm tai biến sản khoa, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em.

+ TTYT hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật: khám quản lý thai nghén, đỡ đẻ, chăm sóc sau sinh cho cán bộ chuyên trách chăm sóc sức khỏe sinh sản tuyến xã và mạng lưới Y tế thôn bản, Cô đỡ thôn bản nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Gói 2 - Hỗ trợ chăm sóc trong sinh:

+ Phối hợp rà soát số lượng nhân viên y tế, Cô đỡ thôn bản đỡ đẻ tại nhà để hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế, Cô đỡ thôn bản đỡ đẻ tại nhà cho bà mẹ không đến đẻ tại cơ sở y tế (theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính).

+ Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, rà soát dự kiến số lượng bà mẹ đẻ tại nhà để mua gói đỡ đẻ sạch cấp cho phụ nữ mang thai, Cô đỡ thôn bản để dự phòng các trường hợp đẻ tại nhà; rà soát nhu cầu sử dụng túi dụng cụ Cô đỡ thôn bản để mua cấp cho Cô đỡ thôn bản nhằm đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các Cô đỡ thôn bản.

+ Tăng cường thực hiện quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ/sau mổ (EENC), hỗ trợ cho bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh; Hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật: khám quản lý thai nghén, đỡ đẻ, chăm sóc sau sinh cho cán bộ chuyên trách chăm sóc sức khỏe sinh sản tuyến xã và mạng lưới y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Gói 3 - Hỗ trợ chăm sóc sau sinh:

Phối hợp rà soát số lượng nhân viên y tế, Cô đỡ thôn bản để hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế, Cô đỡ thôn bản khi thực hiện chăm sóc bà mẹ và sơ sinh tại nhà (3 lần trong 42 ngày sau đẻ) nhằm tăng cường thực hiện chăm sóc bà mẹ và trẻ em 03 lần trong 42 ngày sau sinh gồm: tuần đầu và 2 lần trong tuần thứ 2

đến tuần thứ 6 sau sinh, nhằm giảm tai biến sản khoa, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em (theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính).

- Gói 4 - Chăm sóc sức khỏe trẻ em:

+ Phối hợp tổ chức triển khai khám sức khỏe định kỳ trẻ em < 24 tháng 02 lần/năm nhằm theo dõi chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng, phát hiện sớm các bệnh lý về tinh thần và vận động, suy dinh dưỡng trẻ em. Tiếp tục rà soát số trẻ em dưới 24 tháng tuổi, lập kế hoạch thực hiện khám sức khỏe định kỳ; huy động nhóm bác sĩ và cán bộ y tế tuyến huyện phối hợp với Trạm Y tế xã để tổ chức khám; sử dụng Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ - trẻ em trong khám sức khỏe định kỳ trẻ em.

+ Thực hiện và tuân thủ đầy đủ các quy định về cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế theo “Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản” tại Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016, Quyết định số 2246/QĐ-BYT ngày 01/8/2024 về việc hướng dẫn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi và thực hiện đúng Thông tư số 23/2017/TT-BYT ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế về Hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng.

e) Nâng cao năng lực cho cán bộ các tuyến về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em:

Nội dung tập huấn:

(i) Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú, xét nghiệm protein niệu và sàng lọc HIV, Viêm gan B và Giang mai;

(ii) Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trước, trong và sau sinh;

(iii) Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi.

- Tuyên tỉnh: Đối tượng tham gia: Cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản tuyến huyện, tuyến xã.

- Tuyên huyện: Đối tượng tham gia: cán bộ y tế/người tham gia các hoạt động về sức khỏe sinh sản tại tuyến xã, Y tế thôn bản và Cô đỡ thôn bản về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

g) Công tác thống kê báo cáo

- Thực hiện thống kê báo cáo số liệu các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em định kỳ.

- Báo cáo hoạt động của nhân viên Y tế thôn bản và Cô đỡ thôn bản định kỳ theo quy định.

- Thu thập số liệu, điều tra, báo cáo số tử vong và nguyên nhân tử vong bà mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em tại các xã thuộc khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn.

3.5.4. Nhóm hoạt động: “Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

a) Khảo sát xác định mô hình, nội dung, hình thức truyền thông về sức khỏe bà mẹ trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của các dân tộc

- Tuyển tỉnh:

+ Hỗ trợ Trung ương trong việc thực hiện khảo sát các hình thức truyền thông phù hợp.

+ Cung cấp các thông tin, báo cáo, tài liệu có liên quan về lĩnh vực truyền thông sức khỏe bà mẹ - trẻ em.

+ Thu thập các ý kiến góp ý cho khảo sát nhằm xác định mô hình, nội dung, hình thức truyền thông về sức khỏe bà mẹ - trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của địa phương.

- Tuyển huyện:

+ Hỗ trợ tuyển tỉnh trong việc thực hiện khảo sát các hình thức truyền thông phù hợp.

+ Cung cấp các thông tin, báo cáo công tác truyền thông lĩnh vực sức khỏe bà mẹ - trẻ em về tuyển tỉnh khi có yêu cầu.

+ Tham gia các ý kiến góp ý cho khảo sát nhằm xác định mô hình, nội dung, hình thức truyền thông về sức khỏe bà mẹ - trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của địa phương.

b) Phát động chiến dịch và triển khai Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ tháng 8 hằng năm; Tuần lễ Làm mẹ an toàn vào tháng 10 hằng năm

- Tuyển tỉnh:

+ Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Trung ương, ban hành Hướng dẫn tổ chức Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ và Tuần Lễ Làm mẹ an toàn phù hợp với từng địa phương.

+ Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, đẩy mạnh đồng loạt các hoạt động truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, dinh dưỡng trong thai kỳ.

+ Chỉ đạo tổ chức chiến dịch truyền thông và các hoạt động khác trong Tuần lễ Thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ và Tuần Lễ Làm mẹ an toàn theo hướng dẫn.

+ Theo dõi, giám sát, tổng hợp báo cáo các hoạt động thực hiện Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ và Tuần Lễ Làm mẹ an toàn của các địa phương, đơn vị và gửi về Bộ Y tế.

- Tuyển huyện:

+ Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn chi tiết các xã, phường, thị trấn đồng thời tổ chức đẩy mạnh đồng loạt các hoạt động truyền thông, cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em kết hợp tổ chức khám thai, tư vấn chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trong thai kỳ, nuôi con bằng sữa mẹ (dự kiến vào tháng 8 và tháng 10 hằng năm).

+ Tổ chức chiến dịch truyền thông và các hoạt động khác trong Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ và Tuần Lễ Làm mẹ an toàn theo hướng dẫn.

+ Theo dõi, giám sát, tổng hợp báo cáo các hoạt động thực hiện Tuần lễ thế

giới Nuôi con bằng sữa mẹ và Tuần Lễ Làm mẹ an toàn của địa phương và gửi về tỉnh.

c) Phát triển, xây dựng và in ấn, nhân bản các sản phẩm truyền thông phù hợp với văn hóa của từng dân tộc như tờ rơi, áp phích, tranh lật, sách mỏng....

- Tuyển tỉnh:

+ Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Trung ương, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật sẽ tiếp nhận tài liệu mẫu; xây dựng tài liệu phù hợp theo nhu cầu; in ấn, nhân bản, phát hành và phân phối về các huyện thực hiện Dự án.

+ Phổ biến, hướng dẫn các đơn vị sử dụng tài liệu truyền thông tại cơ sở và các hoạt động tại cộng đồng hiệu quả.

+ Theo dõi, giám sát việc sử dụng các tài liệu truyền thông tại các huyện, tổng hợp các ý kiến phản hồi, gửi báo cáo về Bộ Y tế.

- Tuyển huyện:

+ Tiếp nhận tài liệu và phân phối đến mạng lưới y tế cơ sở, các mô hình trên địa bàn thực hiện Dự án.

+ Phổ biến, hướng dẫn tuyến xã sử dụng tài liệu truyền thông tại cơ sở và các hoạt động tại cộng đồng hiệu quả.

+ Theo dõi, giám sát việc sử dụng các tài liệu truyền thông tại các cơ sở y tế, cộng đồng, tổng hợp các ý kiến phản hồi, gửi báo cáo về tỉnh.

d) Phát triển, xây dựng các sản phẩm truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc, bao gồm tin bài, video phổ biến kiến thức, phóng sự, trailer quảng bá, bài phát thanh... trên các phương tiện truyền thông đại chúng

- Tuyển tỉnh:

+ Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Quảng Nam ban hành văn bản hướng dẫn, xây dựng các tài liệu truyền thông phù hợp cho các cơ sở y tế trong tỉnh sử dụng truyền thông tại cơ sở và các hoạt động tại cộng đồng.

+ Hướng dẫn Trung tâm Y tế huyện ký hợp đồng với Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình huyện để tuyên truyền, phổ biến tài liệu đến cộng đồng.

+ Biên tập, biên tập lại các ấn phẩm truyền thông phù hợp với địa phương.

+ Theo dõi, giám sát việc sử dụng các tài liệu truyền thông tại các huyện, tổng hợp báo cáo các ý kiến phản hồi gửi về Bộ Y tế.

- Tuyển huyện:

+ Trên cơ sở hướng dẫn tuyển tỉnh, trung tâm Y tế huyện cung cấp và hướng dẫn sử dụng các tài liệu truyền thông tại cơ sở, tuyến xã.

+ Ký hợp đồng với các cơ quan văn hóa huyện, đài phát thanh huyện để tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng.

+ Nhân bản tài liệu để sử dụng tại địa phương để đáp ứng nhu cầu.

+ Theo dõi, giám sát việc sử dụng các tài liệu truyền thông tại cơ sở và

tuyên xã, tổng hợp báo cáo các ý kiến phản hồi gửi về tuyên tỉnh.

e) Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các tuyến về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em

- Tuyên tỉnh: Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ tuyến huyện về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em

+ Số lớp: 01 lớp/huyện/năm.

+ Đối tượng học viên: Các bộ y tế thực hiện công tác truyền thông tuyến huyện, xã về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em.

+ Nội dung: Các kiến thức, kỹ năng truyền thông tại cộng đồng về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; phổ biến, hướng dẫn sử dụng tài liệu truyền thông tại cộng đồng hiệu quả.

- Tuyên huyện:

+ Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn do tỉnh tổ chức.

+ Tổ chức các lớp tập huấn cho tuyến xã về kiến thức và kỹ năng truyền thông để y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng thôn bản triển khai hiệu quả các can thiệp chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em và dinh dưỡng

4. Nội dung 4: Kiểm tra, giám sát và đánh giá

- Nội dung: Kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động chuyên môn, việc thực hiện các chỉ tiêu, tiến độ thực hiện và giải ngân²; đánh giá thông qua hệ thống, thống kê báo cáo định kỳ của các đơn vị triển khai thực hiện theo bộ chỉ số được thống nhất trên toàn quốc

- Tần suất: Định kỳ 6 tháng/lần và đột xuất khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền

- Quy trình: Thực hiện theo Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các quy định hiện hành.

- Trách nhiệm thực hiện:

+ Tuyên tỉnh: Tham gia các đoàn giám sát của Trung ương, đoàn liên ngành của tỉnh; thực hiện kiểm tra, giám sát tại tuyến huyện, xã theo nhiệm vụ chuyên môn được phân công.

²Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các quy định hiện hành; Kế hoạch số 6103/KH-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về việc giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, được bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm của Tiểu dự án 3 “Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình” thuộc Dự án 10 của Chương trình.

+ Tuyển huyện: Tham gia các đoàn giám sát của tuyển trên, đoàn liên ngành của huyện; thực hiện kiểm tra, giám sát tại tuyển xã, thôn bản theo nhiệm vụ chuyên môn được phân công.

+ Tuyển xã: Tham gia các đoàn giám sát của tuyển trên; thực hiện giám sát các hoạt động triển khai tại cộng đồng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; nguồn ngân sách cấp huyện, xã; nguồn vốn xã hội hóa, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, vốn huy động.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch; tập trung phối hợp, hướng dẫn chuyên môn cho UBND các huyện nhằm tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp nội dung hoạt động, đối tượng, địa bàn;

- Chỉ đạo, phân công rõ trách nhiệm của các Phòng, đơn vị trực thuộc trong việc tổ chức thực hiện đối với mỗi nội dung hoạt động cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Y tế đảm bảo thực hiện Kế hoạch có hiệu quả, đạt tiến độ và mục tiêu đề ra;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND tỉnh theo quy định;

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán, phân bổ kinh phí cho các đơn vị; quản lý, theo dõi, đánh giá tiến độ giải ngân kinh phí của các đơn vị.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra kết quả thực hiện Kế hoạch theo Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và MN tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025.

3. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn ngân sách tỉnh đối ứng để thực hiện Kế hoạch này theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn quy định tại Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì Chương trình.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức các hoạt động tư vấn, tuyên truyền về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên, kiến thức sàng lọc các bệnh di truyền trước kết hôn cho

học sinh tại các trường tại các trường PTDTNT, PTDTBT trên địa bàn các huyện triển khai dự án.

- Chỉ đạo Phòng GDĐT, các trường THPT vùng dân tộc thiểu số, miền núi và các trường PTDTNT trực thuộc thực hiện một số nội dung hoạt động liên quan đến học sinh tại cơ sở giáo dục theo Kế hoạch này.

5. UBND các huyện: Bắc Trà My, Nam Trà My, Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang, Phước Sơn, Hiệp Đức, Núi Thành

- Căn cứ nội dung kế hoạch này và nguồn kinh phí được phân bổ, chỉ đạo Trung tâm Y tế và các Phòng, Ban, tổ chức chính trị - xã hội của huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn năm 2025; chủ động phối hợp với Sở Y tế để xây dựng các nhiệm vụ cụ thể đảm bảo vừa đạt được chỉ tiêu Kế hoạch đề ra vừa không chồng chéo, trùng lặp với các nhiệm vụ do Sở Y tế chủ trì triển khai trên địa bàn quản lý.

- Định kỳ (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) tổng hợp, báo cáo và thống kê báo cáo các chỉ số, kinh phí theo quy định, gửi về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2025; yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị các Sở, ngành, địa phương, đơn vị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính, GD và ĐT;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- UBND các huyện: Bắc Trà My, Nam Trà My, Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang, Phước Sơn, Hiệp Đức, Núi Thành
- Lưu: VT, KGVX (Châu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thái Bình